

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ PLO CÁC HỌC PHẦN CỐT LÕI

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tin chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
1	2001220056	Huỳnh Minh An	13DHTH_TD	8.1	7.2	8.7	9.3	8.2	10.0	8.3	8.4	8.2	7.9	8.5	ĐẠT
2	2001220166	Nguyễn Tấn Tuấn Anh	13DHTH_TD	5.6	7.2	8.5	6.2	6.1	6.5	6.7	5.3	6.9	6.7	6.4	ĐẠT
3	2001220151	Lương Thế Anh	13DHTH_TD	4.9	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
4	2001220401	Võ Thái Bình	13DHTH_TD	9.4	9.2	9.5	10.0	9.1	9.8	10.0	9.4	10.0	10.0	9.7	ĐẠT
5	2001221135	Nguyễn Ngọc Hải	13DHTH_TD	7.9	7.9	8.5	8.7	8.4	8.2	8.4	7.5	8.2	8.1	8.1	ĐẠT
6	2001221140	Nguyễn Thị Thanh Hải	13DHTH_TD	6.9	8.9	8.5	8.0	7.8	8.7	8.6	7.6	8.1	8.4	8.2	ĐẠT
7	2001221127	Lương Chí Hải	13DHTH_TD	7.6	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
8	2001221180	Lâm Nguyễn Anh Hào	13DHTH_TD	7.3	7.9	10.0	9.3	8.2	9.2	9.6	8.9	8.2	8.1	8.7	ĐẠT
9	2001221363	Võ Thái Hiền	13DHTH_TD	5.4	7.2	9.0	8.8	7.3	8.6	9.3	6.4	8.9	8.2	8.1	ĐẠT
10	2001221421	Bùi Trọng Hiếu	13DHTH_TD	9.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
11	2001221419	Đoàn Duy Hiếu	13DHTH_TD	6.0	8.2	8.0	8.8	7.6	8.1	9.0	7.4	8.9	8.2	8.2	ĐẠT
12	2001221414	Lê Trương Công Hiếu	13DHTH_TD	6.7	7.5	8.0	8.8	7.0	7.3	8.4	8.2	8.3	8.2	7.9	ĐẠT
13	2001221670	Mai Quốc Huy	13DHTH_TD	5.6	5.5	8.5	9.0	7.1	8.0	8.0	6.9	9.3	8.0	7.9	ĐẠT
14	2001221654	Nguyễn Gia Huy	13DHTH_TD	5.3	5.8	9.0	9.0	6.9	7.4	9.2	7.2	9.3	8.3	8.1	ĐẠT
15	2001222024	Đào Vĩnh Khang	13DHTH_TD	5.0	8.7	9.0	6.2	6.5	7.0	7.4	6.1	6.9	7.5	6.9	ĐẠT
16	2001222036	Lê Hà Bảo Khanh	13DHTH_TD	6.6	7.3	9.0	10.0	8.1	8.6	9.6	8.3	10.0	9.1	8.9	ĐẠT
17	2001222067	Nguyễn Trần Duy Khánh	13DHTH_TD	6.9	8.0	9.8	10.0	8.5	9.0	9.7	8.6	10.0	9.8	9.3	ĐẠT
18	2001221896	Giang Tuấn Kiệt	13DHTH_TD	9.1	5.9	8.5	0.0	4.6	4.9	2.7	4.5	0.0	4.0	3.4	KHÔNG ĐẠT
19	2001222912	Hà Huỳnh Ánh Ngân	13DHTH_TD	4.8	6.3	9.1	9.8	7.5	8.6	9.6	7.5	10.0	8.8	8.7	ĐẠT
20	2001223022	Cao Đức Nghĩa	13DHTH_TD	6.4	8.7	9.3	9.3	8.0	8.4	8.8	8.7	10.0	9.6	8.9	ĐẠT
21	2001223033	Nguyễn Ngọc Nghĩa	13DHTH_TD	7.0	8.8	9.7	10.0	8.6	9.0	10.0	9.2	10.0	9.4	9.4	ĐẠT
22	2001223151	Bùi Đỗ Phúc Nguyên	13DHTH_TD	5.7	6.8	9.5	8.8	7.0	7.8	9.6	7.8	8.3	9.3	8.3	ĐẠT
23	2001223238	Bùi Đức Nhân	13DHTH_TD	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
24	2001223700	Bùi Lâm Hoàng Phú	13DHTH_TD	6.3	7.9	9.5	9.3	7.6	9.1	9.6	7.3	10.0	8.9	8.7	ĐẠT
25	2001223907	Nguyễn Trần Quang	13DHTH_TD	8.0	9.3	0.0	10.0	7.3	7.8	6.7	9.3	10.0	7.4	8.1	KHÔNG ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
								Tín chỉ	3	3	2	4			
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
								PLO1	PLO3	PLO4	PLO6	PLO10	PLO12	PLO TB	
26	2001224164	Lâm Minh Sâm	13DHTH_TD	6.4	7.3	8.0	9.3	7.8	8.7	8.8	6.5	10.0	8.7	8.4	ĐẠT
27	2001224221	Trần Thiên Tài	13DHTH_TD	5.9	8.4	8.3	8.3	7.2	7.7	8.2	6.7	9.2	9.0	8.0	ĐẠT
28	2001224231	Đặng Ngọc Tài	13DHTH_TD	9.3	8.2	10.0	10.0	9.3	9.6	10.0	9.3	10.0	9.6	9.6	ĐẠT
29	2001224942	Nguyễn Hữu Thịnh	13DHTH_TD	2.8	4.9	6.8	0.0	2.9	2.8	2.7	1.6	0.0	3.0	2.2	KHÔNG ĐẠT
30	2001225047	Phạm Minh Thuận	13DHTH_TD	7.2	7.9	10.0	10.0	8.7	9.0	10.0	8.2	10.0	10.0	9.3	ĐẠT
31	2001224389	Huỳnh Công Tiến	13DHTH_TD	8.1	8.7	9.5	9.8	8.7	9.2	9.4	9.3	10.0	9.8	9.4	ĐẠT
32	2001224428	Trần Trung Tín	13DHTH_TD	#N/A	5.2	9.0	0.0	#N/A	#N/A	2.5	#N/A	0.0	3.6	#N/A	KHÔNG ĐẠT
33	2001224455	Nguyễn Việt Toàn	13DHTH_TD	6.2	7.5	9.3	9.6	8.1	8.9	9.2	8.5	10.0	9.4	9.0	ĐẠT
34	2001225902	Trà Ngọc Nguyên Vũ	13DHTH_TD	5.9	6.4	8.5	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
35	2001225908	Đặng Trường Vũ	13DHTH_TD	7.3	5.3	9.0	8.8	6.9	7.7	9.1	7.8	8.3	8.8	8.1	ĐẠT
36	2001221410	Lê Trần Kim Đan	13DHTH01	7.7	9.4	8.2	7.7	8.3	9.0	6.7	8.4	8.9	9.3	8.4	ĐẠT
37	2001220573	Võ Trường Danh	13DHTH01	8.7	5.2	7.2	8.5	7.8	8.0	7.6	6.9	8.3	7.6	7.7	ĐẠT
38	2001220941	Nguyễn Thành Đạt	13DHTH01	7.6	6.8	8.6	8.5	7.6	8.4	8.3	7.2	8.9	9.2	8.2	ĐẠT
39	2001220897	Trần Tiến Đạt	13DHTH01	6.3	7.4	9.5	9.1	7.9	7.6	9.6	7.0	9.3	8.6	8.3	ĐẠT
40	2001220976	Nguyễn Thị Hồng Diệp	13DHTH01	5.7	9.3	9.3	8.1	8.3	8.3	7.8	8.5	5.4	9.2	7.9	ĐẠT
41	2001220817	Văn Trọng Dương	13DHTH01	7.6	6.4	10.0	9.5	8.6	9.1	9.2	7.8	10.0	9.4	9.0	ĐẠT
42	2001221088	Nguyễn Hồng Hà	13DHTH01	8.0	8.7	8.5	8.7	8.3	8.0	8.3	7.9	8.2	9.2	8.3	ĐẠT
43	2001221221	Lê Thị Ngọc Hằng	13DHTH01	9.3	9.2	9.0	9.7	9.3	9.4	9.7	9.3	10.0	9.3	9.5	ĐẠT
44	2001221412	Lê Trung Hiếu	13DHTH01	9.5	9.0	9.0	9.7	9.1	9.4	9.7	9.8	10.0	8.9	9.5	ĐẠT
45	2001221417	Trần Minh Hiếu	13DHTH01	6.5	6.8	8.5	0.0	4.5	4.2	2.9	4.1	0.0	4.6	3.4	KHÔNG ĐẠT
46	2001221507	Trần Văn Hoàng	13DHTH01	6.8	6.2	7.5	8.5	6.4	7.9	7.6	6.7	9.7	9.4	7.9	ĐẠT
47	2001221505	Hứa Minh Hoàng	13DHTH01	8.2	5.7	8.8	9.1	8.0	8.3	8.5	7.8	10.0	8.4	8.5	ĐẠT
48	2001221833	Nguyễn Thị Mai Hương	13DHTH01	7.7	6.7	9.5	9.0	8.0	9.3	8.9	6.9	8.7	9.0	8.5	ĐẠT
49	2001221588	Nguyễn Lâm Gia Huy	13DHTH01	4.3	6.3	8.6	7.1	6.2	7.4	7.2	5.5	7.3	7.5	6.9	ĐẠT
50	2001221699	Đình Ngọc Huy	13DHTH01	6.2	6.7	8.5	8.5	6.7	8.2	8.2	7.7	9.8	8.1	8.1	ĐẠT
51	2001221755	Nguyễn Phạm Nhung Huyền	13DHTH01	#N/A	5.8	9.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
52	2001221998	Trương Tấn Khang	13DHTH01	6.8	7.4	9.5	9.2	8.4	7.7	9.0	6.5	10.0	9.0	8.4	ĐẠT
53	2001222017	Đặng Quốc Khang	13DHTH01	6.8	5.8	9.2	9.2	8.0	7.5	9.0	5.6	10.0	8.8	8.2	ĐẠT
54	2001222050	Hồ Ngọc Khánh	13DHTH01	7.6	6.3	9.3	8.5	7.2	8.1	8.6	8.3	9.8	8.6	8.4	ĐẠT
55	2001222058	Trương Văn Phú Khánh	13DHTH01	6.6	5.5	9.5	8.5	7.1	8.5	8.1	7.7	9.8	8.4	8.3	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
56	2001221904	Lâu Trí Kiệt	13DHTH01	7.1	8.3	10.0	9.2	9.1	8.6	9.6	7.6	8.3	8.5	8.6	ĐẠT
57	2001221894	Vương Phạm Hào Kiệt	13DHTH01	4.6	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
58	2001222402	Huỳnh Lâm Gia Linh	13DHTH01	4.9	5.9	9.0	8.7	7.1	8.0	8.8	6.4	8.3	8.3	7.8	ĐẠT
59	2001222507	Lê Hoàng Lực	13DHTH01	6.1	7.7	8.7	8.8	6.9	8.3	9.0	8.0	8.3	8.5	8.2	ĐẠT
60	2001222603	Lê Mẫn	13DHTH01	6.1	7.9	8.0	8.2	7.0	8.6	7.6	7.5	9.4	8.7	8.1	ĐẠT
61	2001222778	Trịnh Đặng Thành Nam	13DHTH01	7.5	5.5	9.6	9.1	7.4	8.2	9.3	7.7	10.0	8.6	8.5	ĐẠT
62	2001223008	Nguyễn Quốc Nghi	13DHTH01	4.2	5.8	0.0	9.1	5.6	5.0	6.3	5.9	9.3	5.9	6.3	KHÔNG ĐẠT
63	2001223339	Lê Thị Yến Nhi	13DHTH01	6.3	7.7	8.0	9.0	7.5	8.8	8.8	7.2	10.0	8.3	8.4	ĐẠT
64	2001223547	Trương Minh Nhựt	13DHTH01	5.0	5.9	8.0	8.6	6.4	7.0	7.5	6.5	8.8	8.6	7.4	ĐẠT
65	2001223664	Lương Liêm Phong	13DHTH01	7.7	9.4	9.2	9.5	8.6	9.3	9.2	9.2	10.0	9.7	9.3	ĐẠT
66	2001223813	Lê Huỳnh Tấn Phước	13DHTH01	6.8	5.2	8.0	8.5	6.7	8.9	8.9	6.1	9.7	8.1	8.1	ĐẠT
67	2001223916	Nguyễn Duy Quang	13DHTH01	4.4	7.0	8.7	8.8	6.7	8.0	8.9	5.4	10.0	9.6	8.1	ĐẠT
68	2001223999	Dương Tấn Quý	13DHTH01	8.0	6.2	7.0	7.3	6.8	6.9	7.8	6.5	8.3	8.1	7.4	ĐẠT
69	2001224091	Lê Ngọc Quỳnh	13DHTH01	7.1	8.4	9.0	9.1	8.2	9.7	8.5	9.5	10.0	9.2	9.2	ĐẠT
70	2001224155	Lê Minh Sang	13DHTH01	7.0	6.9	7.5	9.1	8.3	7.8	9.6	6.5	9.3	8.0	8.2	ĐẠT
71	2001224167	Phạm Văn Sĩ	13DHTH01	5.1	7.8	9.0	8.7	7.5	8.5	9.2	7.1	9.8	7.6	8.3	ĐẠT
72	2001224242	Lương Tấn Tài	13DHTH01	4.1	8.0	9.5	9.0	7.4	8.2	9.0	7.8	8.4	8.5	8.2	ĐẠT
73	2001224645	Đặng Quốc Thái	13DHTH01	5.1	8.7	9.8	9.1	8.4	8.8	8.1	7.9	10.0	9.0	8.7	ĐẠT
74	2001221011	Trương Minh Thoại	13DHTH01	6.1	6.0	8.2	9.3	7.0	8.2	8.8	7.0	10.0	8.6	8.3	ĐẠT
75	2001221811	Nguyễn Hữu Hoàng Thôn	13DHTH01	9.8	7.7	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
76	2001225219	Mai Võ Minh Thư	13DHTH01	5.3	7.3	8.7	7.1	6.5	7.5	7.9	6.4	7.3	7.8	7.2	ĐẠT
77	2001224343	Bùi Ngọc Thảo Tiên	13DHTH01	5.8	7.3	9.0	9.5	7.6	8.2	8.3	8.4	10.0	10.0	8.8	ĐẠT
78	2001225448	Nguyễn Hoàng Bích Trâm	13DHTH01	6.6	6.4	8.7	8.7	7.2	7.6	8.9	6.8	8.2	8.5	7.9	ĐẠT
79	2001225405	Nguyễn Ngọc Thuy Trang	13DHTH01	5.4	6.5	9.2	8.1	7.6	8.3	7.9	7.0	5.4	8.4	7.4	ĐẠT
80	2001225390	Phan Thị Tuyết Trang	13DHTH01	5.8	8.3	9.0	9.5	8.1	9.1	8.3	8.4	10.0	9.8	8.9	ĐẠT
81	2001225547	Trần Minh Trí	13DHTH01	8.0	6.5	8.5	9.1	7.9	8.6	8.5	8.5	10.0	7.9	8.6	ĐẠT
82	2001225571	Lê Nguyễn Hoàng Triều	13DHTH01	5.0	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
83	2001225583	Nguyễn Bảo Trinh	13DHTH01	8.2	5.9	7.5	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
84	2001224593	Nguyễn Ngọc Tuyên	13DHTH01	6.7	7.8	8.3	9.0	7.7	9.1	7.9	7.4	10.0	8.5	8.4	ĐẠT
85	2001225779	Từ Anh Văn	13DHTH01	3.0	7.2	9.3	0.0	3.4	3.2	3.0	3.2	0.0	4.3	2.9	KHÔNG ĐẠT
86	2001225777	Phạm Đình Văn	13DHTH01	6.6	6.8	9.4	9.7	8.4	9.0	9.8	7.4	8.3	8.9	8.7	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
87	2001225895	Nguyễn Tuấn Vũ	13DHTH01	7.0	5.7	7.8	8.0	6.4	6.3	7.3	6.5	9.1	8.6	7.4	ĐẠT
88	2001225914	Trần Khánh Vũ	13DHTH01	8.7	7.3	10.0	9.5	8.7	9.7	9.2	9.0	10.0	9.4	9.3	ĐẠT
89	2001226037	Nguyễn Thị Tường Vy	13DHTH01	7.2	8.8	8.5	9.0	8.2	8.7	8.1	7.4	8.7	8.9	8.3	ĐẠT
90	2001220195	Khuru Diệu Anh	13DHTH02	5.5	6.3	9.0	9.0	7.0	8.2	8.8	6.0	10.0	8.4	8.1	ĐẠT
91	2001220167	Đặng Quốc Anh	13DHTH02	6.6	6.2	9.3	7.8	6.5	6.9	8.6	6.4	8.3	9.2	7.7	ĐẠT
92	2001220116	Trần Tuấn Anh	13DHTH02	5.6	4.9	9.0	8.9	7.1	8.7	9.1	5.9	8.4	8.2	7.9	ĐẠT
93	2001220372	Phạm Vũ Lương Bằng	13DHTH02	7.6	5.0	8.3	8.3	6.5	7.5	8.5	7.7	8.3	8.7	7.9	ĐẠT
94	2001220397	Lương Thanh Bình	13DHTH02	6.2	8.7	9.0	9.2	8.5	7.9	8.1	8.2	8.3	9.4	8.4	ĐẠT
95	2001220959	Nguyễn Hải Đăng	13DHTH02	8.1	8.4	9.4	9.0	8.4	8.2	9.0	8.1	10.0	9.2	8.8	ĐẠT
96	2001220934	Nguyễn Tiến Đạt	13DHTH02	6.3	6.8	0.0	0.0	2.8	2.4	0.0	3.9	0.0	2.1	1.9	KHÔNG ĐẠT
97	2001220928	Lại Thành Đạt	13DHTH02	7.1	6.9	9.0	9.5	7.9	8.7	9.6	7.7	10.0	8.2	8.7	ĐẠT
98	2001220935	Lư Tất Tuấn Đạt	13DHTH02	7.8	6.0	10.0	9.6	8.1	9.0	9.6	8.2	10.0	9.2	9.0	ĐẠT
99	2001220879	Bùi Tấn Đạt	13DHTH02	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
100	2001220727	Nguyễn Trường Duy	13DHTH02	7.3	8.8	8.0	9.0	8.2	8.9	9.2	7.7	10.0	8.4	8.7	ĐẠT
101	2001221133	Bùi Kim Hải	13DHTH02	5.7	7.2	9.0	7.2	6.9	7.7	6.8	7.6	9.4	8.7	7.9	ĐẠT
102	2001221359	Võ Thị Hiền	13DHTH02	5.9	4.0	8.5	0.0	3.8	4.5	2.5	3.3	0.0	3.3	2.9	KHÔNG ĐẠT
103	2001221533	Đặng Cam Hồng	13DHTH02	5.5	5.3	8.7	9.0	6.9	8.7	8.2	6.8	9.4	8.8	8.1	ĐẠT
104	2001221797	Nguyễn Hoàng Phi Hưng	13DHTH02	9.1	7.3	8.3	8.1	7.9	7.6	8.1	7.6	9.3	8.3	8.1	ĐẠT
105	2001221660	Danh Gia Huy	13DHTH02	4.7	7.1	8.3	7.8	6.2	6.7	8.6	6.8	8.3	8.2	7.5	ĐẠT
106	2001221679	Nguyễn Hoàng Nhật Huy	13DHTH02	8.2	5.7	9.0	9.5	7.8	9.4	9.2	7.6	10.0	8.5	8.7	ĐẠT
107	2001221772	Trần Thúy Huỳnh	13DHTH02	7.3	7.0	9.0	9.6	8.1	8.8	9.6	8.1	10.0	8.5	8.9	ĐẠT
108	2001222005	Nguyễn Minh Khang	13DHTH02	7.7	8.3	7.3	9.0	7.9	7.8	7.5	7.5	10.0	9.1	8.3	ĐẠT
109	2001222091	Trần Đăng Khoa	13DHTH02	3.5	6.3	8.5	7.8	6.7	7.7	7.2	6.7	6.6	7.4	7.1	KHÔNG ĐẠT
110	2001221872	Lê Trung Kiên	13DHTH02	7.2	7.5	8.7	8.5	8.6	9.3	8.3	8.2	6.7	8.0	8.2	ĐẠT
111	2001222401	Nguyễn Trọng Yên Linh	13DHTH02	5.8	5.7	9.2	8.0	6.7	8.3	8.3	6.2	8.1	7.6	7.5	ĐẠT
112	2001222435	Huỳnh Hoàng Hải Long	13DHTH02	9.2	7.2	8.5	8.7	7.8	8.8	8.8	7.5	9.8	8.0	8.4	ĐẠT
113	2001222428	Huỳnh Nhật Long	13DHTH02	6.1	7.7	8.5	7.5	7.4	6.7	7.1	7.4	5.7	8.4	7.1	ĐẠT
114	2001222529	Đinh Thị Thảo Ly	13DHTH02	6.8	8.0	9.0	8.5	8.5	9.2	7.5	8.3	6.7	8.5	8.1	ĐẠT
115	2001222539	Nguyễn Thanh Ly Ly	13DHTH02	9.0	8.7	10.0	9.2	8.9	9.8	9.0	8.9	9.3	9.0	9.2	ĐẠT
116	2001222644	Phan Bình Minh	13DHTH02	7.1	5.2	8.7	7.5	7.1	7.6	8.0	7.0	5.7	7.9	7.2	ĐẠT
117	2001222777	Thái Đặng Phương Nam	13DHTH02	8.9	9.2	9.0	9.1	9.1	9.6	9.3	8.4	8.9	9.1	9.1	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
118	2001222793	Trà Quốc Nam	13DHTH02	4.6	7.5	9.3	8.6	7.1	8.8	8.5	7.0	10.0	9.2	8.4	ĐẠT
119	2001222769	Vũ Khánh Nam	13DHTH02	5.6	8.9	9.5	8.5	7.7	8.5	7.8	8.3	10.0	10.0	8.7	ĐẠT
120	2001222943	Nguyễn Phương Ngân	13DHTH02	5.9	7.5	9.0	8.5	7.0	8.9	8.3	8.2	10.0	9.8	8.7	ĐẠT
121	2001223120	Phạm Đức Bảo Ngọc	13DHTH02	7.5	6.8	9.4	8.6	7.6	8.7	8.1	7.1	10.0	8.5	8.4	ĐẠT
122	2001223311	Trần Thị Yến Nhi	13DHTH02	6.6	5.7	9.1	7.3	6.6	6.6	8.0	6.3	8.3	8.3	7.4	ĐẠT
123	2001223629	Võ Ngô Tấn Phát	13DHTH02	7.9	6.9	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
124	2001223660	Hà Huy Phong	13DHTH02	7.3	6.4	9.0	8.7	7.5	8.9	9.2	6.5	9.8	8.5	8.4	ĐẠT
125	2001223657	Nguyễn Lê Thanh Phong	13DHTH02	9.0	9.2	9.0	9.1	8.7	9.3	9.3	8.3	8.9	9.5	9.0	ĐẠT
126	2001223814	Nguyễn Thanh Phước	13DHTH02	4.5	8.5	8.3	8.7	7.0	8.1	8.4	7.4	9.8	8.0	8.1	ĐẠT
127	2001223947	Hồ Đức Hoàng Quân	13DHTH02	8.0	5.9	10.0	8.7	8.0	8.9	9.2	6.5	9.8	7.9	8.4	ĐẠT
128	2001223942	Nguyễn Mạnh Quân	13DHTH02	7.2	#N/A	10.0	9.2	#N/A	9.8	9.0	#N/A	9.3	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
129	2001224190	Huỳnh Thanh Sơn	13DHTH02	8.5	8.9	9.5	9.1	8.5	9.2	9.3	8.0	8.9	9.6	8.9	ĐẠT
130	2001224849	Đặng Minh Thắng	13DHTH02	4.8	5.2	8.5	6.7	5.9	6.1	6.1	5.9	7.8	8.5	6.7	ĐẠT
131	2001224717	Lê Văn Thành	13DHTH02	7.5	6.7	8.5	9.6	8.1	9.2	9.6	7.8	9.3	8.6	8.8	ĐẠT
132	2001224703	Dương Công Thành	13DHTH02	6.7	4.8	8.7	7.8	6.7	6.7	8.0	5.7	9.0	7.7	7.3	ĐẠT
133	2001224956	Lại Phước Thịnh	13DHTH02	4.3	5.9	9.0	8.8	6.7	8.2	8.3	7.0	10.0	8.6	8.1	ĐẠT
134	2001225261	Phạm Thị Minh Thư	13DHTH02	6.8	7.5	9.0	7.8	6.7	8.1	8.6	6.9	8.3	9.2	8.0	ĐẠT
135	2001225035	Ngô Minh Thuận	13DHTH02	9.3	5.8	10.0	9.7	8.4	10.0	10.0	8.3	8.9	9.2	9.1	ĐẠT
136	2001224408	Nguyễn Việt Tiến	13DHTH02	6.7	6.3	8.7	9.0	7.2	8.3	9.0	7.5	9.4	8.7	8.4	ĐẠT
137	2001224429	Trương Ngọc Bửu Tín	13DHTH02	7.0	5.4	8.3	9.6	7.0	8.7	8.8	7.5	10.0	8.5	8.4	ĐẠT
138	2001224460	Châu Đức Toàn	13DHTH02	7.2	6.4	9.5	9.7	7.5	9.3	10.0	8.2	8.9	9.4	8.9	ĐẠT
139	2001224551	Phạm Minh Tuấn	13DHTH02	6.8	5.8	9.0	9.1	7.5	8.4	9.3	7.8	8.8	8.0	8.3	ĐẠT
140	2001224572	Võ Nguyễn Thanh Tùng	13DHTH02	6.1	5.3	9.0	8.7	7.0	8.4	8.3	6.3	9.8	7.6	7.9	ĐẠT
141	2001224574	Phan Đặng Thùy Tuyền	13DHTH02	6.6	5.0	9.0	7.5	6.7	8.5	7.7	6.3	7.1	7.0	7.2	ĐẠT
142	2001225805	Nguyễn Thị Kiều Vân	13DHTH02	8.6	5.9	9.0	8.5	8.6	9.4	7.8	7.4	6.7	8.6	8.1	ĐẠT
143	2001225919	Nguyễn Quốc Vương	13DHTH02	7.0	7.3	8.5	9.0	7.5	8.1	8.3	8.0	8.9	8.7	8.3	ĐẠT
144	2001225950	Trần Dương Tường Vy	13DHTH02	6.2	8.2	8.8	9.0	7.3	9.0	8.8	8.0	9.4	9.1	8.6	ĐẠT
145	2001226049	Ngô Hùng Vỹ	13DHTH02	6.6	7.5	8.8	9.5	7.9	8.7	9.2	7.7	10.0	8.2	8.6	ĐẠT
146	2001220027	Lê Nguyễn Hoài An	13DHTH03	6.6	6.3	9.0	7.3	6.8	6.8	8.0	6.6	8.3	9.2	7.6	ĐẠT
147	2001220205	Lý Nguyễn Hoàng Anh	13DHTH03	7.4	5.7	9.4	8.6	7.5	8.8	8.4	7.6	8.9	9.2	8.4	ĐẠT
148	2001220322	Trương Văn Thạch Bảo	13DHTH03	9.2	7.2	9.4	8.6	8.5	10.0	7.8	7.6	10.0	9.5	8.9	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
								Tín chỉ	3	3	2	4			
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
								PLO1	PLO3	PLO4	PLO6	PLO10	PLO12	PLO TB	
149	2001220299	Lê Quân Bảo	13DHTH03	7.3	7.2	9.0	9.2	7.6	8.9	9.1	8.2	10.0	8.7	8.8	ĐẠT
150	2001220557	Hồ Ngọc Chính	13DHTH03	4.3	5.4	8.0	7.0	5.9	6.4	6.7	5.8	6.1	7.6	6.4	ĐẠT
151	2001220459	Cao Trọng Gia Cường	13DHTH03	5.3	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
152	2001220965	Hồ Đăng Hải Đăng	13DHTH03	4.1	7.8	8.0	8.8	7.4	7.2	6.7	7.4	10.0	8.8	7.9	ĐẠT
153	2001220570	Đỗ Hữu Danh	13DHTH03	5.7	7.0	7.1	0.0	4.3	3.8	1.5	3.6	0.0	4.4	2.9	KHÔNG ĐẠT
154	2001220888	Lê Vũ Phát Đạt	13DHTH03	6.5	7.8	8.5	7.7	7.1	8.9	7.0	7.6	8.9	8.4	8.0	ĐẠT
155	2001221016	Dương Trọng Đức	13DHTH03	8.9	7.5	9.2	9.6	8.5	9.8	9.4	8.2	10.0	9.0	9.2	ĐẠT
156	2001220715	Nguyễn Anh Duy	13DHTH03	5.0	6.7	9.2	9.3	7.6	8.2	8.7	6.1	10.0	8.8	8.2	ĐẠT
157	2001220722	Nguyễn Thế Duy	13DHTH03	6.0	5.5	7.6	8.6	6.5	7.3	6.7	6.1	10.0	8.5	7.5	ĐẠT
158	2001221155	Lê Hoàng Hải	13DHTH03	6.7	6.2	9.0	8.6	7.5	8.8	7.5	6.2	10.0	9.2	8.2	ĐẠT
159	2001221146	Lăng Minh Hải	13DHTH03	9.1	7.8	9.0	8.8	8.4	9.3	8.3	8.7	10.0	8.3	8.8	ĐẠT
160	2001221471	Mai Ngọc Hoan	13DHTH03	4.4	6.7	8.9	8.3	6.9	7.6	7.7	6.9	7.9	9.8	7.8	ĐẠT
161	2001221504	Tổng Xuân Hoàng	13DHTH03	6.7	6.8	8.6	9.5	8.2	8.2	8.2	7.7	10.0	9.1	8.5	ĐẠT
162	2001221625	Lương Quốc Huy	13DHTH03	7.7	6.5	8.2	8.8	7.0	9.1	8.0	8.4	8.3	8.4	8.2	ĐẠT
163	2001221678	Phan Quốc Huy	13DHTH03	8.1	7.8	0.0	0.0	3.8	2.9	0.0	4.7	0.0	2.5	2.3	KHÔNG ĐẠT
164	2001221653	Trần Quốc Huy	13DHTH03	7.4	7.8	9.3	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
165	2001221666	Ngô Quốc Huy	13DHTH03	6.0	5.3	0.0	7.0	5.1	5.5	4.6	5.9	6.1	5.3	5.4	KHÔNG ĐẠT
166	2001222018	Hoàng Ngọc Khang	13DHTH03	7.9	8.0	7.0	10.0	8.6	8.5	8.3	8.8	10.0	8.6	8.8	ĐẠT
167	2001222083	Huỳnh Gia Khiêm	13DHTH03	7.4	6.7	8.0	8.8	7.2	8.3	8.3	7.9	8.3	8.3	8.1	ĐẠT
168	2001222119	Nguyễn Đăng Khoa	13DHTH03	0.5	4.3	0.0	0.0	1.4	0.5	0.0	1.7	0.0	1.3	0.8	KHÔNG ĐẠT
169	2001222101	Đăng Phạm Đăng Khoa	13DHTH03	7.8	6.9	8.1	9.5	7.8	9.4	7.8	29.6	10.0	9.3	12.3	ĐẠT
170	2001221885	Bùi Tuấn Kiệt	13DHTH03	6.7	6.5	9.0	8.5	7.3	8.3	7.8	7.5	10.0	8.1	8.2	ĐẠT
171	2001221890	Hoàng Nguyễn Bảo Kiệt	13DHTH03	5.8	4.9	0.0	0.0	2.5	1.8	0.0	3.3	0.0	1.4	1.5	KHÔNG ĐẠT
172	2001222477	Phạm Minh Lộc	13DHTH03	6.9	4.9	0.0	7.8	5.8	6.4	5.0	6.0	7.1	5.6	6.0	KHÔNG ĐẠT
173	2001222596	Trần Công Mạnh	13DHTH03	6.3	5.2	8.3	9.0	6.6	8.9	9.2	7.1	9.4	8.3	8.3	ĐẠT
174	2001222660	Tăng Hữu Minh	13DHTH03	7.9	8.2	9.1	10.0	9.1	9.3	9.5	8.3	10.0	8.9	9.2	ĐẠT
175	2001223111	Võ Thị Yến Ngọc	13DHTH03	8.0	7.7	7.0	9.0	8.9	7.4	8.2	7.2	8.3	8.2	8.0	ĐẠT
176	2001223145	Trần Phúc Nguyên	13DHTH03	7.1	5.7	9.0	9.5	7.6	9.0	8.7	7.5	10.0	9.0	8.6	ĐẠT
177	2001223248	Phan Trọng Nhân	13DHTH03	3.8	5.7	9.5	8.8	7.0	8.1	8.3	6.5	10.0	9.0	8.1	KHÔNG ĐẠT
178	2001223667	Nguyễn Thái An Phong	13DHTH03	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
179	2001223689	Dương Hoàng Phú	13DHTH03	5.3	7.7	9.0	7.2	6.4	7.0	6.8	7.7	9.4	9.4	7.8	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
180	2001223968	Trần Trọng Quý	13DHTH03	6.9	6.9	9.6	8.5	7.5	8.4	8.7	7.2	8.8	8.3	8.2	ĐẠT
181	2001224008	Trần Huỳnh Phụng Oanh	13DHTH03	6.4	5.3	9.4	9.6	7.5	9.1	9.3	7.1	10.0	8.7	8.6	ĐẠT
182	2001224160	Nguyễn Minh Sang	13DHTH03	6.7	5.3	7.0	8.3	6.4	6.5	7.2	6.1	10.0	8.2	7.4	ĐẠT
183	2001224179	Nguyễn Minh Sơn	13DHTH03	8.3	6.5	9.5	9.0	7.6	9.7	9.2	8.2	9.4	9.1	8.9	ĐẠT
184	2001224329	Cao Hoàng Tấn	13DHTH03	8.3	6.0	8.0	9.0	7.8	9.7	8.3	7.9	9.4	8.3	8.6	ĐẠT
185	2001224333	Nguyễn Tấn Tây	13DHTH03	6.2	6.4	9.8	7.2	7.0	7.4	6.8	7.0	9.4	8.3	7.6	ĐẠT
186	2001224715	Nguyễn Văn Thành	13DHTH03	9.2	7.5	8.5	8.8	8.3	8.3	7.8	8.4	10.0	8.5	8.6	ĐẠT
187	2001224936	Nguyễn Hoàng Thịnh	13DHTH03	8.0	6.0	9.0	8.8	7.9	8.8	8.3	7.5	10.0	8.3	8.5	ĐẠT
188	2001224990	Nguyễn Duy Thông	13DHTH03	7.4	7.3	8.5	9.0	7.9	7.9	8.0	7.7	8.9	8.2	8.1	ĐẠT
189	2001225024	Lê Trọng Thuận	13DHTH03	4.9	6.9	0.0	9.0	6.1	5.3	5.8	7.7	8.3	7.4	6.8	KHÔNG ĐẠT
190	2001225049	Nguyễn Minh Thuận	13DHTH03	7.3	5.4	8.5	9.0	7.7	9.4	9.3	6.3	8.7	7.9	8.2	ĐẠT
191	2001224395	Trần Văn Minh Tiến	13DHTH03	7.8	6.2	8.5	9.0	8.0	8.1	8.2	7.6	8.9	8.5	8.2	ĐẠT
192	2001224401	Lê Minh Tiến	13DHTH03	7.0	6.8	9.0	10.0	8.1	8.7	10.0	8.1	10.0	9.0	9.0	ĐẠT
193	2001225516	Đoàn Phùng Quế Trân	13DHTH03	6.4	5.9	8.1	0.0	4.5	3.9	2.3	3.7	0.0	4.0	3.1	KHÔNG ĐẠT
194	2001224549	Đặng Thanh Tuấn	13DHTH03	6.5	7.2	8.5	8.6	7.5	8.4	8.1	7.8	8.9	8.9	8.3	ĐẠT
195	2001224607	Lê Phan Minh Tuyền	13DHTH03	2.3	5.4	#N/A	8.8	#N/A	#N/A	#N/A	5.0	10.0	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
196	2001225868	Giang Kỳ Vinh	13DHTH03	1.4	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
197	2001225910	Lê Đình Vũ	13DHTH03	4.7	6.4	9.0	8.6	7.2	8.4	8.0	6.1	10.0	8.3	8.0	ĐẠT
198	2001220026	Trần Tuấn An	13DHTH04	7.2	7.7	9.8	9.0	7.7	8.5	9.2	8.3	10.0	9.2	8.8	ĐẠT
199	2001220268	Phạm Đào Huệ Ân	13DHTH04	8.6	7.1	9.0	8.9	8.9	9.2	9.0	7.3	8.3	8.5	8.5	ĐẠT
200	2001220165	Trần Huỳnh Đức Anh	13DHTH04	8.5	5.5	0.0	8.8	6.5	6.2	5.6	8.0	9.4	6.9	7.1	KHÔNG ĐẠT
201	2001220194	Trần Kiều Anh	13DHTH04	7.5	7.4	9.8	7.7	7.8	8.1	8.1	7.4	6.7	8.2	7.7	ĐẠT
202	2001220579	Trần Khánh Di	13DHTH04	9.0	6.7	9.7	9.3	8.6	9.2	9.3	7.6	9.7	9.0	8.9	ĐẠT
203	2001220977	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	13DHTH04	6.9	8.8	9.8	9.0	7.9	8.8	9.2	8.0	10.0	9.2	8.8	ĐẠT
204	2001220631	Ngô Quốc Doanh	13DHTH04	8.7	5.5	9.5	9.0	7.9	9.5	8.8	7.2	10.0	8.1	8.6	ĐẠT
205	2001220750	Nguyễn Tấn Duy	13DHTH04	7.2	7.5	9.0	8.9	8.3	9.1	8.8	6.9	8.3	8.7	8.4	ĐẠT
206	2001221029	Nguyễn Hoàng Gia	13DHTH04	5.5	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
207	2001221147	Nguyễn Văn Hải	13DHTH04	7.2	7.5	9.0	9.3	8.0	8.5	8.6	7.6	10.0	8.3	8.5	ĐẠT
208	2001221151	Phạm Đức Hải	13DHTH04	6.8	7.7	9.0	9.3	8.0	8.6	9.1	7.8	10.0	8.1	8.6	ĐẠT
209	2001221330	Nguyễn Thành Hậu	13DHTH04	6.1	6.9	9.0	9.1	7.8	8.2	8.1	8.0	10.0	8.8	8.5	ĐẠT
210	2001221435	Nguyễn Cao Thi Hiếu	13DHTH04	7.9	8.5	9.8	7.7	8.4	8.3	8.1	8.3	6.7	8.2	8.0	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
211	2001221453	Lương Bảo Hòa	13DHTH04	3.0	5.8	8.0	8.0	5.1	5.4	8.3	5.2	9.1	8.2	6.9	KHÔNG ĐẠT
212	2001221474	Nguyễn Thành Hoàn	13DHTH04	7.2	8.5	8.1	9.0	7.7	8.1	8.1	8.1	10.0	9.1	8.5	ĐẠT
213	2001221493	Nguyễn Thanh Hoàng	13DHTH04	7.0	7.2	9.8	9.0	7.6	9.0	9.2	7.2	10.0	9.2	8.7	ĐẠT
214	2001221796	Trương Tấn Hưng	13DHTH04	8.7	5.5	7.0	8.8	8.0	7.5	7.4	7.4	9.4	7.4	7.9	ĐẠT
215	2001221635	Trần Gia Huy	13DHTH04	5.3	5.8	8.2	8.8	7.0	8.2	7.3	5.8	10.0	8.0	7.7	ĐẠT
216	2001221700	Nguyễn Minh Huy	13DHTH04	7.0	8.8	9.0	9.6	8.6	7.9	8.8	9.0	10.0	9.6	9.0	ĐẠT
217	2001221694	Nguyễn Gia Huy	13DHTH04	7.7	6.5	6.8	8.8	7.8	7.2	8.1	7.2	9.4	7.3	7.8	ĐẠT
218	2001221671	Trương Đức Huy	13DHTH04	5.7	8.2	9.0	8.5	7.2	8.8	8.3	8.2	10.0	9.8	8.7	ĐẠT
219	2001221975	Nguyễn Hoàng Khải	13DHTH04	6.5	6.8	9.0	8.5	7.6	8.7	8.1	6.7	8.9	9.8	8.3	ĐẠT
220	2001221987	Dương Chí Khang	13DHTH04	6.2	7.0	8.0	8.5	7.3	7.6	8.6	6.6	8.9	9.6	8.1	ĐẠT
221	2001222025	Nguyễn Huyền Anh Khang	13DHTH04	9.4	7.5	9.0	8.8	8.3	9.9	8.6	7.8	10.0	8.7	8.9	ĐẠT
222	2001221886	Đặng Anh Kiệt	13DHTH04	6.8	7.5	9.0	9.1	8.0	8.7	9.5	7.8	8.8	7.9	8.4	ĐẠT
223	2001222583	Phạm Thị Xuân Mai	13DHTH04	7.2	7.4	9.8	7.7	8.0	8.1	8.1	7.5	6.7	8.2	7.8	ĐẠT
224	2001222641	Trần Công Minh	13DHTH04	9.5	7.4	8.5	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
225	2001223094	Đỗ Thị Kim Ngọc	13DHTH04	7.1	8.5	8.3	8.7	8.2	9.3	7.6	8.3	9.4	8.7	8.6	ĐẠT
226	2001223255	Nguyễn Thiện Nhân	13DHTH04	7.3	7.5	8.8	8.7	8.0	9.2	7.6	7.5	9.4	8.5	8.4	ĐẠT
227	2001223265	Võ Trường Nhật	13DHTH04	8.5	7.4	8.7	8.4	8.3	8.3	8.3	7.2	8.4	8.6	8.2	ĐẠT
228	2001223674	Lê Phùng Phong	13DHTH04	8.9	8.5	9.0	9.3	8.6	9.6	9.1	8.4	10.0	8.7	9.1	ĐẠT
229	2001223661	Mai Hoài Phong	13DHTH04	4.4	7.3	9.0	8.8	7.1	7.3	8.7	6.9	9.4	8.0	7.9	ĐẠT
230	2001223678	Trần Võ Phong	13DHTH04	8.1	6.8	8.5	9.3	8.6	8.5	8.3	6.9	10.0	8.5	8.5	ĐẠT
231	2001223685	Lê Tấn Phú	13DHTH04	8.0	7.0	9.0	8.8	7.5	9.9	8.6	7.6	10.0	8.7	8.7	ĐẠT
232	2001224163	Kim Ngọc Sáng	13DHTH04	7.5	8.2	9.2	9.3	8.5	9.6	9.1	7.0	10.0	8.7	8.8	ĐẠT
233	2001224227	Nguyễn Chí Tài	13DHTH04	7.9	9.0	7.5	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
234	2001224690	Đỗ Hoàng Thanh	13DHTH04	7.0	7.3	9.0	7.7	7.8	9.1	6.4	7.5	9.4	8.7	8.2	ĐẠT
235	2001224705	Nguyễn Hữu Thành	13DHTH04	8.0	7.7	8.5	8.7	8.2	9.5	8.3	7.9	9.4	8.4	8.6	ĐẠT
236	2001224721	Đoàn Chí Thành	13DHTH04	8.7	7.5	8.5	9.3	8.6	9.8	8.6	7.6	10.0	8.0	8.8	ĐẠT
237	2001224917	Hồ Thiện	13DHTH04	6.9	7.5	8.0	9.3	7.8	7.7	8.6	7.9	10.0	8.1	8.4	ĐẠT
238	2001224906	Phan Trần Hoàng Thiện	13DHTH04	7.6	8.2	8.5	9.6	7.8	8.2	9.6	9.0	10.0	8.5	8.8	ĐẠT
239	2001224991	Võ Văn Hoàng Thông	13DHTH04	0.0	5.9	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
240	2001225323	Lê Hà Ngọc Thy	13DHTH04	7.4	6.8	9.4	9.0	8.1	7.6	9.1	7.7	10.0	9.9	8.7	ĐẠT
241	2001225676	Lê Đức Trung	13DHTH04	7.5	6.4	8.5	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
242	2001224525	Hoàng Minh Tuấn	13DHTH04	6.8	7.5	9.0	8.0	7.8	8.9	8.6	7.1	8.1	7.0	7.9	ĐẠT
243	2001225916	Tạ Nguyễn Vũ	13DHTH04	7.3	8.8	8.8	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
244	2001220215	Nguyễn Tô Duy Anh	13DHTH05	4.5	7.9	8.5	8.6	7.2	7.6	7.6	7.8	9.2	8.1	7.9	ĐẠT
245	2001220216	Lê Thành Anh	13DHTH05	8.5	6.5	8.8	9.8	8.5	9.7	9.7	8.4	10.0	8.2	9.1	ĐẠT
246	2001220152	Nguyễn Phương Anh	13DHTH05	4.7	7.5	8.8	8.2	7.2	8.5	8.2	7.7	8.7	7.6	8.0	ĐẠT
247	2001220539	Lê Thị Mỹ Chi	13DHTH05	8.7	8.5	9.5	9.8	8.8	9.8	9.7	9.3	10.0	8.7	9.4	ĐẠT
248	2001220524	Nguyễn Dương Lê Chi	13DHTH05	5.5	8.5	9.8	8.2	7.7	8.7	8.2	8.0	8.7	8.3	8.3	ĐẠT
249	2001220463	Lê Ngọc Cường	13DHTH05	9.0	8.5	9.0	9.5	8.9	9.5	8.8	8.9	10.0	9.2	9.2	ĐẠT
250	2001220867	Nguyễn Vương Hồng Đào	13DHTH05	7.3	7.6	9.0	9.2	8.8	8.1	9.0	7.3	10.0	8.7	8.6	ĐẠT
251	2001220915	Nguyễn Thành Đạt	13DHTH05	5.9	4.9	8.5	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
252	2001220971	Thạch Quốc Điền	13DHTH05	6.2	6.9	9.0	7.5	6.9	6.6	8.1	6.6	7.2	8.8	7.4	ĐẠT
253	2001220623	Hồ Thái Đình	13DHTH05	8.3	7.0	9.0	8.7	8.1	9.1	8.4	8.0	9.3	8.0	8.5	ĐẠT
254	2001221113	Trần Minh Hà	13DHTH05	9.0	8.3	9.5	9.5	8.8	9.5	9.2	9.0	10.0	9.1	9.3	ĐẠT
255	2001221139	Lâm Tiết Hải	13DHTH05	6.6	5.4	8.4	8.6	7.1	8.1	7.9	7.3	10.0	7.9	8.1	ĐẠT
256	2001221279	Nguyễn Thị Ngọc Hân	13DHTH05	6.3	7.0	10.0	9.0	7.4	8.3	9.2	7.3	10.0	8.5	8.5	ĐẠT
257	2001221188	Trương Nhật Hào	13DHTH05	7.5	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
258	2001221402	Nguyễn Trọng Hiếu	13DHTH05	8.7	8.8	9.5	9.5	8.6	9.5	9.2	9.1	10.0	9.1	9.2	ĐẠT
259	2001222062	Lê Minh Khánh	13DHTH05	9.7	6.4	9.0	9.0	8.7	7.8	8.9	8.1	10.0	9.2	8.8	ĐẠT
260	2001222066	Nguyễn Trọng Quốc Khánh	13DHTH05	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
261	2001222121	Hồ Đăng Khoa	13DHTH05	8.2	7.8	9.6	8.5	8.1	8.7	8.6	8.5	8.8	8.1	8.5	ĐẠT
262	2001222122	Nguyễn Vỹ Khoa	13DHTH05	5.1	7.0	9.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#####	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
263	2001222100	Hồ Thị Châu Khoa	13DHTH05	4.9	6.5	9.5	9.2	7.0	8.2	8.9	7.0	9.8	9.4	8.4	ĐẠT
264	2001222099	Vũ Đình Đăng Khoa	13DHTH05	7.7	7.2	9.3	8.5	7.4	9.1	8.8	7.8	9.3	8.5	8.5	ĐẠT
265	2001222208	Đình Nguyễn Nhật Lâm	13DHTH05	9.2	7.7	9.4	9.4	8.7	8.8	9.1	8.7	10.0	8.8	9.0	ĐẠT
266	2001222239	Dương Tấn Lên	13DHTH05	6.1	7.4	8.2	8.5	7.0	7.9	8.8	6.8	9.3	8.1	8.0	ĐẠT
267	2001222487	Trần Thị Mỹ Lợi	13DHTH05	5.2	6.9	9.8	9.2	7.3	8.5	8.9	7.4	9.8	9.4	8.5	ĐẠT
268	2001222867	Đoàn Thị Thảo Ngân	13DHTH05	5.5	6.7	9.0	7.5	7.0	6.2	8.1	6.1	7.2	9.1	7.3	ĐẠT
269	2001223133	Lê Trung Nguyên	13DHTH05	0.0	0.0	0.0	8.0	2.5	2.7	5.6	2.8	8.9	4.0	4.4	KHÔNG ĐẠT
270	2001223445	Nguyễn Phi Nhung	13DHTH05	7.0	6.2	9.0	9.2	7.2	9.1	9.3	7.7	9.8	9.2	8.7	ĐẠT
271	2001223587	Bùi Tấn Phát	13DHTH05	7.9	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
								Tín chỉ	3	3	2	4			
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
								PLO1	PLO3	PLO4	PLO6	PLO10	PLO12	PLO TB	
272	2001226445	Nguyễn Hồng Phát	13DHTH05	6.5	7.2	9.3	8.9	8.1	7.7	8.6	7.9	9.4	9.0	8.4	ĐẠT
273	2001223772	Hoàng Tấn Phúc	13DHTH05	#N/A	5.3	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
274	2001226152	Nguyễn Lê Hiền Phương	13DHTH05	6.5	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
275	2001224188	Huỳnh Hoàng Sơn	13DHTH05	6.3	6.8	7.3	8.5	6.8	7.8	8.3	6.9	9.3	8.0	7.9	ĐẠT
276	2001224207	Trần Tấn Tài	13DHTH05	7.1	7.2	8.5	8.8	7.6	8.4	7.5	8.7	10.0	8.3	8.4	ĐẠT
277	2001224312	Trương Nhật Tân	13DHTH05	6.5	5.2	8.3	9.0	7.1	8.4	7.4	8.1	10.0	8.7	8.3	ĐẠT
278	2001224843	Nguyễn Thị Hồng Thắm	13DHTH05	4.4	6.9	8.5	8.0	6.8	6.7	8.9	6.2	8.9	7.8	7.6	ĐẠT
279	2001224963	Nguyễn Hoàng Thịnh	13DHTH05	8.8	5.5	9.0	8.8	7.7	9.6	7.6	8.5	10.0	8.3	8.6	ĐẠT
280	2001224407	Hà Minh Tiến	13DHTH05	9.6	8.3	8.2	9.0	8.8	9.4	7.9	9.3	10.0	8.6	9.0	ĐẠT
281	2001224435	Phạm Trung Tính	13DHTH05	6.1	5.7	#N/A	7.0	#N/A	#N/A	#N/A	6.6	6.1	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
282	2001224459	Đình Bảo Toàn	13DHTH05	8.3	7.7	9.3	8.8	8.0	8.7	8.9	7.5	9.4	8.8	8.5	ĐẠT
283	2001224457	Lê Thái Toàn	13DHTH05	7.5	6.7	9.0	0.0	4.9	4.3	3.3	3.7	0.0	4.5	3.5	KHÔNG ĐẠT
284	2001225389	Lê Huỳnh Mỹ Trang	13DHTH05	7.7	7.9	8.3	7.5	7.8	6.8	8.6	7.1	7.2	8.1	7.6	ĐẠT
285	2001225555	Nguyễn Minh Trí	13DHTH05	5.2	7.2	8.5	9.0	7.6	9.0	7.5	7.7	10.0	8.4	8.4	ĐẠT
286	2001225708	Bùi Thanh Trường	13DHTH05	6.3	6.9	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
287	2001224483	Phạm Minh Tú	13DHTH05	6.3	7.5	9.5	8.6	7.7	8.4	8.6	7.8	10.0	8.6	8.5	ĐẠT
288	2001224510	Nguyễn Thanh Tú	13DHTH05	7.5	7.5	8.2	8.7	7.5	8.9	8.5	7.5	9.4	9.0	8.5	ĐẠT
289	2001225897	Phạm Long Vũ	13DHTH05	9.1	6.9	8.9	8.5	8.1	9.3	8.6	7.4	8.9	9.4	8.6	ĐẠT
290	2001225918	Nguyễn Quốc Vương	13DHTH05	9.1	8.8	9.7	9.3	8.8	9.4	9.3	8.9	9.7	9.2	9.2	ĐẠT
291	2001220330	Trần Duy Bảo	13DHTH06	4.9	7.9	8.0	8.9	7.2	8.2	7.7	7.9	8.2	8.4	7.9	ĐẠT
292	2001220343	Nguyễn Lê Huy Bảo	13DHTH06	5.4	7.1	9.0	8.9	7.5	8.6	8.3	6.2	8.3	9.0	8.0	ĐẠT
293	2001220303	Nguyễn Hồng Huy Bảo	13DHTH06	5.3	6.2	8.7	8.9	7.4	8.2	8.4	6.5	9.4	8.7	8.1	ĐẠT
294	2001220536	Cao Thiên Chi	13DHTH06	5.4	8.4	9.1	9.5	8.5	8.2	9.4	8.3	9.0	9.7	8.9	ĐẠT
295	2001220440	Trần Chí Cường	13DHTH06	5.7	8.3	7.5	8.9	7.7	7.4	8.4	7.8	8.2	7.8	7.9	ĐẠT
296	2001220471	Phạm Nguyễn Ngọc Cường	13DHTH06	6.5	6.0	8.3	9.0	7.9	8.3	9.4	6.2	8.3	7.8	8.0	ĐẠT
297	2001220460	Lê Minh Cường	13DHTH06	8.0	5.8	8.7	8.5	7.7	8.6	7.9	6.2	8.9	8.6	8.0	ĐẠT
298	2001220470	Nguyễn Xuân Cường	13DHTH06	8.7	6.0	8.0	9.0	7.6	9.8	8.3	6.9	10.0	8.3	8.5	ĐẠT
299	2001220936	Đỗ Thành Đạt	13DHTH06	7.0	7.4	8.5	8.9	8.0	8.2	8.5	8.3	9.4	8.5	8.5	ĐẠT
300	2001220978	Nguyễn Ngô Thanh Đình	13DHTH06	9.3	5.0	8.5	8.9	7.8	9.3	8.1	7.5	9.4	9.1	8.5	ĐẠT
301	2001221046	Đỗ Hoàng Giang	13DHTH06	5.7	5.4	7.7	8.9	6.8	7.4	8.1	6.5	9.4	8.3	7.8	ĐẠT
302	2001221445	Trương Mỹ Hoa	13DHTH06	5.1	8.8	9.0	9.5	8.7	8.6	8.9	8.3	9.0	9.6	8.8	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
303	2001221508	Nguyễn Minh Hoàng	13DHTH06	6.9	5.5	9.5	9.5	7.7	9.1	8.8	7.8	10.0	8.5	8.7	ĐẠT
304	2001221691	Nguyễn Công Huy	13DHTH06	6.9	6.2	8.0	9.2	7.6	7.6	9.3	6.3	10.0	8.3	8.2	ĐẠT
305	2001221962	Trần Hoàng Kha	13DHTH06	8.3	8.5	9.0	8.7	7.8	9.3	8.9	7.9	9.4	8.9	8.7	ĐẠT
306	2001222028	Thái Tấn Khang	13DHTH06	7.3	8.1	7.0	9.0	8.1	8.2	8.5	8.0	8.2	7.8	8.1	ĐẠT
307	2001222143	Đoàn Anh Khôi	13DHTH06	#N/A	5.8	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
308	2001221884	Phan Thuận Kiệt	13DHTH06	8.1	7.9	8.5	8.3	8.2	8.3	7.2	7.5	7.1	8.6	7.8	ĐẠT
309	2001222320	Lê Mai Duy Linh	13DHTH06	6.2	7.0	9.5	9.0	7.9	8.7	8.7	7.7	8.2	8.5	8.3	ĐẠT
310	2001222485	Tô Minh Lợi	13DHTH06	8.4	5.5	8.0	8.9	8.3	8.9	8.8	6.8	8.2	8.3	8.2	ĐẠT
311	2001222438	Nguyễn Hoàng Long	13DHTH06	8.2	6.5	8.8	9.1	8.2	9.2	8.9	6.9	8.7	8.8	8.4	ĐẠT
312	2001222443	Nguyễn Thành Long	13DHTH06	6.3	6.3	9.0	8.8	7.0	8.8	8.7	7.6	8.3	8.4	8.1	ĐẠT
313	2001222771	Nguyễn Hoàng Nam	13DHTH06	6.2	5.2	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
314	2001222919	Võ Nhật Ngân	13DHTH06	8.4	8.0	8.8	8.4	8.4	7.4	8.3	7.4	8.4	8.5	8.1	ĐẠT
315	2001223025	Đặng Thế Nghĩa	13DHTH06	9.4	8.5	9.0	9.0	8.8	9.4	9.4	7.9	8.3	8.2	8.7	ĐẠT
316	2001223103	Nguyễn Tấn Ngọc	13DHTH06	6.5	7.9	8.8	8.8	7.8	8.2	9.0	7.4	9.4	8.8	8.4	ĐẠT
317	2001223176	Trần Đình Hải Nguyên	13DHTH06	6.9	5.8	9.0	9.7	7.5	8.6	9.1	8.2	10.0	8.6	8.7	ĐẠT
318	2001223746	Võ Nguyên Phúc	13DHTH06	7.3	5.2	9.5	0.0	4.4	4.9	2.8	4.3	0.0	3.9	3.4	KHÔNG ĐẠT
319	2001223812	Lê Hữu Phước	13DHTH06	7.0	6.3	7.5	8.5	7.7	8.0	8.3	6.3	8.3	7.9	7.8	ĐẠT
320	2001223984	Trần Anh Quốc	13DHTH06	6.7	5.5	8.5	7.7	6.9	9.1	7.2	6.6	9.4	8.7	8.0	ĐẠT
321	2001224046	Trương Thế Quyền	13DHTH06	4.1	8.4	9.1	7.7	7.1	8.7	7.2	7.5	9.4	8.6	8.1	ĐẠT
322	2001224079	Đỗ Lê Phương Quỳnh	13DHTH06	4.8	7.9	9.0	7.8	7.5	7.7	7.6	7.3	7.2	8.0	7.6	ĐẠT
323	2001224156	Nguyễn Ngọc Sang	13DHTH06	7.8	5.3	0.0	8.5	6.0	6.5	5.5	7.7	7.9	5.8	6.6	KHÔNG ĐẠT
324	2001226447	Nguyễn Phú Tài	13DHTH06	8.0	7.9	7.8	8.7	7.6	9.2	8.0	8.0	9.4	8.4	8.4	ĐẠT
325	2001224865	Đỗ Cao Thắng	13DHTH06	0.3	6.3	9.0	9.0	5.6	6.1	9.7	6.1	6.7	8.4	7.1	KHÔNG ĐẠT
326	2001224682	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	13DHTH06	5.1	8.5	9.0	8.0	7.8	7.7	7.8	7.5	7.2	9.0	7.8	ĐẠT
327	2001224714	Đặng Trung Thành	13DHTH06	5.7	8.0	9.0	8.9	7.3	7.3	8.6	7.1	10.0	9.0	8.2	ĐẠT
328	2001224719	Tô Nhật Thành	13DHTH06	7.2	7.2	8.5	8.8	7.7	8.5	9.3	7.4	8.9	7.8	8.3	ĐẠT
329	2001224971	Nguyễn Minh Thọ	13DHTH06	3.2	6.8	9.0	9.0	6.8	6.9	8.3	6.8	6.7	9.0	7.4	KHÔNG ĐẠT
330	2001225034	Phạm Thái Thuận	13DHTH06	6.6	6.3	8.5	8.8	7.2	8.9	8.3	7.5	9.4	8.0	8.2	ĐẠT
331	2001224379	Jung Minh Tiên	13DHTH06	7.1	8.4	7.5	8.8	8.2	8.4	7.9	8.2	9.4	8.5	8.5	ĐẠT
332	2001224442	Phạm Văn Tisen	13DHTH06	6.8	5.3	8.5	7.5	6.7	7.6	8.0	7.3	6.1	8.0	7.3	ĐẠT
333	2001225446	Lê Bảo Trâm	13DHTH06	8.7	9.4	9.6	9.8	9.2	9.5	9.5	9.0	9.4	9.6	9.4	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
334	2001225698	Phan Tấn Trục	13DHTH06	8.0	7.7	10.0	9.0	8.2	9.1	9.5	8.0	9.3	8.8	8.8	ĐẠT
335	2001225701	Lê Văn Trường	13DHTH06	6.0	7.2	9.0	8.8	7.5	8.6	8.3	7.3	9.4	8.8	8.3	ĐẠT
336	2001224500	Nguyễn Văn Thanh Tú	13DHTH06	6.2	6.4	9.2	8.9	7.7	8.1	8.6	7.4	8.2	8.4	8.1	ĐẠT
337	2001224537	Trần Anh Tuấn	13DHTH06	8.7	7.3	8.5	9.0	8.0	9.4	8.4	8.3	9.7	8.2	8.7	ĐẠT
338	2001224540	Huỳnh Anh Tuấn	13DHTH06	8.9	5.4	9.4	9.2	8.2	9.0	9.2	8.1	8.6	8.7	8.6	ĐẠT
339	2001224559	Hồ Đăng Tuệ	13DHTH06	7.9	7.9	7.5	9.8	7.9	8.8	9.6	7.8	9.4	8.9	8.8	ĐẠT
340	2001226082	Nguyễn Võ Như Ý	13DHTH06	6.8	5.2	9.5	9.0	7.4	8.9	9.3	6.7	10.0	8.5	8.5	ĐẠT
341	2001220276	Nguyễn Duy Ân	13DHTH07	5.7	5.7	7.7	8.5	7.0	8.1	8.1	6.2	8.9	8.2	7.7	ĐẠT
342	2001220163	Trần Hữu Ái Anh	13DHTH07	7.2	7.3	9.0	8.4	7.3	7.8	8.7	6.8	10.0	8.7	8.2	ĐẠT
343	2001220204	Lê Thị Trúc Anh	13DHTH07	4.4	6.2	7.0	8.0	6.2	6.1	8.1	6.1	10.0	7.8	7.4	ĐẠT
344	2001220334	Kim Quốc Bảo	13DHTH07	8.0	6.2	#N/A	8.4	#N/A	#N/A	#N/A	6.5	10.0	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
345	2001220312	Trần Gia Bảo	13DHTH07	7.5	5.8	#N/A	8.4	#N/A	#N/A	#N/A	6.7	10.0	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
346	2001220852	Phạm Nguyễn Linh Đan	13DHTH07	3.8	6.8	9.2	8.0	6.3	6.4	8.8	6.6	10.0	8.4	7.7	KHÔNG ĐẠT
347	2001220960	Nguyễn Hải Đăng	13DHTH07	8.3	5.5	9.8	9.3	7.7	9.4	9.0	7.1	10.0	8.8	8.7	ĐẠT
348	2001220933	Danh Thành Đạt	13DHTH07	5.6	7.7	8.0	9.1	7.4	7.7	8.6	6.8	8.9	8.7	8.0	ĐẠT
349	2001220987	Nguyễn Thị Kim Đoàn	13DHTH07	7.5	5.9	8.5	8.7	7.4	8.8	9.2	7.1	8.3	7.7	8.1	ĐẠT
350	2001220998	Trần Trung Đông	13DHTH07	6.3	7.8	9.5	8.8	7.7	9.1	8.2	6.9	8.9	9.0	8.3	ĐẠT
351	2001221017	Huỳnh Lê Đức	13DHTH07	1.1	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
352	2001220691	Phạm Tiến Dũng	13DHTH07	6.9	6.9	8.0	8.5	7.1	7.4	7.6	7.0	8.4	8.7	7.7	ĐẠT
353	2001220724	Phạm Đắc Anh Duy	13DHTH07	8.3	5.9	9.6	9.3	8.2	9.3	9.0	6.8	10.0	8.6	8.7	ĐẠT
354	2001221189	Trần Tuấn Hào	13DHTH07	7.7	8.6	9.8	8.3	8.2	9.2	8.5	7.5	7.1	8.8	8.2	ĐẠT
355	2001221569	Nguyễn Phi Hùng	13DHTH07	7.2	7.5	9.0	8.8	7.8	9.1	8.9	6.9	9.4	9.8	8.6	ĐẠT
356	2001221741	Ngô Thị Thanh Huyền	13DHTH07	5.5	5.3	7.6	8.7	6.4	7.1	7.5	6.3	8.3	8.0	7.3	ĐẠT
357	2001221771	Trần Nguyễn Như Huỳnh	13DHTH07	8.1	6.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
358	2001222124	Đoàn Nguyễn Anh Khoa	13DHTH07	6.3	6.5	7.5	8.3	7.1	7.6	8.3	6.5	7.2	6.9	7.3	ĐẠT
359	2001221952	Nguyễn Gia Kỳ	13DHTH07	6.4	8.2	9.0	7.8	7.4	7.2	7.7	7.2	9.0	8.8	7.9	ĐẠT
360	2001222369	Nguyễn Mai Linh	13DHTH07	8.8	6.3	8.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
361	2001222490	Nguyễn Minh Luân	13DHTH07	6.3	6.3	9.5	8.5	6.9	7.9	8.8	6.7	8.4	8.8	7.9	ĐẠT
362	2001222597	Nguyễn Đức Mạnh	13DHTH07	7.5	5.7	9.5	0.0	4.6	5.1	2.5	3.7	0.0	4.7	3.4	KHÔNG ĐẠT
363	2001222649	Nguyễn Hải Minh	13DHTH07	7.3	6.2	9.3	8.4	7.8	7.9	8.8	5.8	8.9	8.0	7.9	ĐẠT
364	2001223091	Võ Thị Bích Ngọc	13DHTH07	6.3	8.5	8.5	8.3	7.6	8.9	7.5	7.4	9.4	9.3	8.4	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
365	2001223177	Nguyễn Ngọc Nguyên	13DHTH07	5.3	6.4	8.3	6.2	5.8	7.5	6.5	5.4	6.9	7.2	6.5	ĐẠT
366	2001223240	Hồ Hữu Nhân	13DHTH07	6.0	8.4	7.3	8.3	7.3	8.7	7.8	7.6	9.4	8.8	8.3	ĐẠT
367	2001223253	Trần Phạm Trọng Nhân	13DHTH07	7.8	5.3	9.3	9.8	7.9	9.5	9.3	7.4	9.4	9.1	8.8	ĐẠT
368	2001223522	Hồ Phương Như	13DHTH07	5.2	6.3	9.0	2.3	5.5	3.9	3.8	3.4	4.4	6.6	4.6	KHÔNG ĐẠT
369	2001223550	Trần Tấn Nhựt	13DHTH07	6.5	6.2	9.0	8.3	7.0	8.8	8.3	6.7	9.4	8.1	8.1	ĐẠT
370	2001223608	Nguyễn Thành Phát	13DHTH07	9.7	7.4	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
371	2001223641	Phạm Văn Phi	13DHTH07	6.6	6.7	8.9	8.8	7.4	8.8	8.0	7.7	10.0	8.4	8.4	ĐẠT
372	2001223672	Lê Hồng Phong	13DHTH07	7.9	7.2	9.0	8.4	8.5	9.6	8.5	7.9	7.4	7.9	8.3	ĐẠT
373	2001223708	Lê Hoàng Phú	13DHTH07	7.9	4.4	8.5	8.5	7.0	7.4	8.4	6.3	8.4	7.6	7.5	ĐẠT
374	2001223756	Nguyễn Hoàng Phúc	13DHTH07	7.8	6.4	9.0	8.0	7.3	7.8	8.6	6.6	9.1	8.3	8.0	ĐẠT
375	2001223740	Lưu Hoàng Phúc	13DHTH07	8.8	6.3	8.5	8.9	7.8	9.4	8.1	7.7	10.0	8.3	8.5	ĐẠT
376	2001223954	Phạm Đức Minh Quân	13DHTH07	6.3	5.2	9.0	8.6	7.2	8.8	8.6	6.1	8.9	8.7	8.0	ĐẠT
377	2001223953	Tăng Phúc Quân	13DHTH07	7.4	7.7	9.2	8.5	7.2	8.0	9.4	8.3	8.3	9.9	8.5	ĐẠT
378	2001223920	Trần Minh Quang	13DHTH07	4.8	8.7	9.0	9.3	7.7	8.6	8.7	7.3	10.0	9.1	8.5	ĐẠT
379	2001224149	Biện Phước Sang	13DHTH07	7.1	7.4	8.9	8.3	7.1	8.7	8.3	6.9	9.2	8.4	8.1	ĐẠT
380	2001224637	Thái Ngọc Thạch	13DHTH07	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
381	2001224646	Nguyễn Văn Quốc Thái	13DHTH07	7.5	8.4	8.5	8.5	7.2	7.5	8.6	8.5	8.3	9.6	8.3	ĐẠT
382	2001224651	Nguyễn Phạm Hồng Thái	13DHTH07	7.4	8.7	7.0	8.5	7.5	8.0	9.1	8.5	8.3	9.0	8.4	ĐẠT
383	2001224848	Nguyễn Văn Thăng	13DHTH07	7.0	5.8	9.6	8.1	7.1	7.8	8.9	6.3	9.3	7.9	7.9	ĐẠT
384	2001224938	Phan Văn Thịnh	13DHTH07	5.0	5.0	9.3	8.4	6.9	8.0	8.3	6.5	7.4	7.5	7.4	ĐẠT
385	2001224422	Nguyễn Đức Tín	13DHTH07	7.1	7.3	7.3	8.4	8.0	8.7	7.5	7.8	7.4	7.8	7.9	ĐẠT
386	2001225539	Lê Hữu Trí	13DHTH07	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
387	2001225623	Nguyễn Sang Trọng	13DHTH07	6.2	5.0	7.6	8.6	6.4	7.1	7.5	6.2	8.8	8.1	7.4	ĐẠT
388	2001224489	Lê Anh Tú	13DHTH07	5.4	7.6	8.1	8.5	7.0	7.3	8.1	6.6	8.7	8.5	7.7	ĐẠT
389	2001224546	Trương Thanh Tuấn	13DHTH07	2.9	7.2	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
390	2001224631	Lê Mạnh Tường	13DHTH07	8.2	9.2	9.5	8.1	8.5	9.4	7.1	8.7	9.4	10.0	8.9	ĐẠT
391	2001225801	Đặng Thị Trúc Vân	13DHTH07	6.2	4.8	9.5	8.2	6.9	8.7	8.0	6.5	8.3	7.8	7.7	ĐẠT
392	2001225915	Hồ Hoàng Anh Vũ	13DHTH07	5.8	6.5	7.3	8.9	6.6	6.7	7.8	7.1	8.3	8.5	7.5	ĐẠT
393	2001225958	Phạm Hồ Thúy Vy	13DHTH07	4.4	7.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
394	2001226134	Lê Trần Ngọc Yến	13DHTH07	5.9	7.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
395	2001220385	Lê Ngọc Bình	13DHTH08	6.7	7.2	8.2	7.8	7.7	7.5	7.1	7.7	6.6	7.2	7.3	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
396	2001220500	Ngô Huỳnh Trần Châu	13DHTH08	0.7	5.7	0.0	7.8	4.3	4.1	4.7	5.2	6.6	5.2	5.0	KHÔNG ĐẠT
397	2044226229	Võ Ngọc Nguyễn Chương	13DHTH08	8.7	8.9	8.5	9.8	9.0	9.4	8.8	9.0	10.0	9.0	9.2	ĐẠT
398	2001220904	Phan Thành Đạt	13DHTH08	7.8	8.3	7.7	9.0	7.9	7.1	7.6	8.3	10.0	9.1	8.3	ĐẠT
399	2001220985	Trương Quang Như Đoàn	13DHTH08	6.7	4.5	9.5	9.0	7.2	8.7	8.3	6.8	10.0	8.2	8.2	ĐẠT
400	2001221004	Nguyễn Bá Đức	13DHTH08	6.3	7.4	9.0	8.3	6.8	7.6	8.4	7.0	10.0	8.4	8.0	ĐẠT
401	2001220678	Phạm Phú Dũng	13DHTH08	4.9	#N/A	0.0	0.0	#N/A	1.9	0.0	#N/A	0.0	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
402	2044220681	Trần Mạnh Dũng	13DHTH08	2.8	4.7	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
403	2001220723	Nguyễn Phạm Trương Duy	13DHTH08	6.7	5.9	9.5	9.0	7.3	8.4	9.2	7.3	10.0	8.8	8.5	ĐẠT
404	2001220706	Phạm Minh Duy	13DHTH08	7.5	6.7	9.5	8.5	8.4	8.8	8.6	7.3	8.3	8.0	8.2	ĐẠT
405	2001221068	Đỗ Huỳnh Giáp	13DHTH08	6.8	5.5	9.0	9.1	7.8	8.1	9.3	6.5	10.0	8.0	8.3	ĐẠT
406	2001221150	Hoàng Văn Hải	13DHTH08	7.0	5.8	8.0	8.3	6.7	8.2	7.2	7.4	7.9	7.9	7.5	ĐẠT
407	2001221273	Ngô Ngọc Hân	13DHTH08	5.3	7.4	9.0	8.0	6.6	6.6	7.6	6.8	10.0	8.8	7.7	ĐẠT
408	2001221289	Nguyễn Trần Bảo Hân	13DHTH08	7.2	5.7	8.8	8.2	7.4	8.1	8.6	6.6	8.2	8.3	7.9	ĐẠT
409	2001221382	Trần Vinh Hiền	13DHTH08	8.1	6.4	9.5	9.8	8.4	10.0	9.6	7.9	10.0	8.5	9.1	ĐẠT
410	2001221806	Phạm Gia Hưng	13DHTH08	6.1	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
411	2001221669	Nguyễn Hoàng Gia Huy	13DHTH08	4.1	5.4	8.0	7.5	5.9	6.8	8.1	6.0	6.1	7.0	6.7	ĐẠT
412	2001221652	Phan Đình Huy	13DHTH08	7.0	7.8	8.1	8.8	7.4	8.0	8.1	8.0	8.3	8.6	8.1	ĐẠT
413	2044221994	Lê Nguyễn Khang	13DHTH08	0.0	5.4	8.0	7.8	4.8	6.0	7.5	4.4	7.1	8.0	6.3	KHÔNG ĐẠT
414	2001222038	Phạm Văn Khanh	13DHTH08	8.5	9.4	9.5	9.0	8.6	9.5	9.3	8.9	10.0	9.4	9.3	ĐẠT
415	2001222222	Trần Thị Mỹ Lan	13DHTH08	5.9	5.3	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
416	2001222492	Trần Minh Luân	13DHTH08	6.7	6.5	9.5	9.1	8.2	7.1	9.3	6.5	10.0	8.6	8.3	ĐẠT
417	2001222837	Trần Thị Nga	13DHTH08	8.0	8.5	9.3	8.2	7.9	8.4	8.7	7.6	8.2	8.8	8.3	ĐẠT
418	2001222976	Trần Phạm Bảo Ngân	13DHTH08	4.4	5.8	8.0	7.8	6.6	5.6	7.6	5.7	9.0	8.3	7.1	ĐẠT
419	2044223143	Nguyễn Phúc Vĩnh Nguyên	13DHTH08	4.5	#N/A	7.5	8.8	#N/A	6.6	7.8	#N/A	10.0	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
420	2001223168	Thị Vương Nguyên	13DHTH08	5.6	5.5	8.5	8.0	6.6	7.4	7.9	6.0	9.4	7.7	7.5	ĐẠT
421	2001223138	Đoàn Lê Anh Nguyên	13DHTH08	5.7	5.7	9.5	8.1	7.7	8.4	7.5	6.9	5.4	8.4	7.4	ĐẠT
422	2001223150	Đặng Khôi Nguyên	13DHTH08	8.0	7.7	9.5	8.3	7.5	9.2	8.2	7.0	10.0	8.8	8.4	ĐẠT
423	2001223379	Võ Thị Huyền Nhi	13DHTH08	6.3	5.8	8.5	8.2	6.4	7.1	8.0	6.5	8.2	8.8	7.5	ĐẠT
424	2001223618	Nguyễn Thành Phát	13DHTH08	3.5	5.0	8.0	7.5	5.3	7.2	7.6	5.3	6.1	6.9	6.4	KHÔNG ĐẠT
425	2001223625	Ngô Tấn Phát	13DHTH08	7.3	6.0	8.9	8.0	6.9	8.3	8.6	6.9	7.7	7.6	7.7	ĐẠT
426	2001223952	Võ Nguyễn Minh Quân	13DHTH08	6.7	6.8	10.0	9.0	7.5	8.7	9.2	7.6	10.0	8.8	8.6	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
427	2001224052	Phạm Văn Quyển	13DHTH08	5.2	4.7	9.4	8.0	6.7	7.6	8.3	5.7	9.4	7.6	7.6	ĐẠT
428	2001224051	Trà Thị Xuân Quyển	13DHTH08	8.4	8.9	9.0	9.2	8.4	9.5	9.0	8.5	10.0	9.2	9.1	ĐẠT
429	2001224174	Võ Huỳnh Sơn	13DHTH08	5.1	4.9	8.5	7.5	6.5	7.5	7.5	6.5	6.1	7.5	6.9	ĐẠT
430	2001224861	Nguyễn Ngọc Thắng	13DHTH08	7.3	7.9	8.5	9.0	7.6	8.9	8.8	7.5	9.8	8.5	8.5	ĐẠT
431	2001224958	Trần Hữu Thịnh	13DHTH08	5.4	5.7	8.7	8.5	6.7	8.2	8.1	6.5	8.8	7.9	7.7	ĐẠT
432	2001224949	Lâm Đức Thịnh	13DHTH08	5.0	5.8	9.0	7.5	6.7	7.5	8.3	6.8	6.1	7.4	7.1	ĐẠT
433	2001225031	Bùi Đức Thuận	13DHTH08	7.5	5.2	9.3	9.3	7.7	8.4	8.8	6.4	10.0	8.8	8.3	ĐẠT
434	2001224473	Nguyễn Văn Tôn	13DHTH08	6.2	7.7	9.5	8.9	7.3	7.4	9.0	7.4	10.0	9.2	8.4	ĐẠT
435	2001225548	Nghê Minh Trí	13DHTH08	6.3	7.2	9.5	9.1	7.8	7.4	9.3	7.0	10.0	8.6	8.3	ĐẠT
436	2001225535	Nguyễn Cao Đức Trí	13DHTH08	7.2	7.4	#N/A	9.0	#N/A	#N/A	#N/A	7.7	10.0	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
437	2001225553	Nguyễn Minh Trí	13DHTH08	0.0	6.3	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
438	2001225575	Nguyễn Khắc Triệu	13DHTH08	6.8	6.9	7.0	8.3	7.0	8.8	8.6	6.8	10.0	7.6	8.1	ĐẠT
439	2001225671	Nguyễn Thị Thanh Trúc	13DHTH08	8.5	7.9	10.0	9.3	8.3	9.4	9.6	8.5	9.7	8.8	9.0	ĐẠT
440	2001225690	Nguyễn Quang Trung	13DHTH08	8.1	5.3	8.5	8.3	6.7	9.5	8.6	6.7	10.0	8.3	8.3	ĐẠT
441	2001225677	Nguyễn Thành Trung	13DHTH08	3.4	5.0	9.0	8.0	6.4	7.1	7.5	5.3	9.4	8.0	7.3	KHÔNG ĐẠT
442	2001225747	Đỗ Hoàng Uyên	13DHTH08	6.0	5.5	9.0	8.8	7.3	9.1	8.9	5.8	10.0	8.6	8.3	ĐẠT
443	2001225873	Đỗ Quang Vinh	13DHTH08	9.4	8.2	9.0	9.8	9.0	9.9	9.1	9.4	10.0	8.9	9.4	ĐẠT
444	2001225866	Lường Minh Vinh	13DHTH08	3.7	4.8	9.4	7.5	6.3	6.8	8.9	5.8	6.1	6.9	6.8	KHÔNG ĐẠT
445	2001225912	Trần Anh Vũ	13DHTH08	7.3	7.2	9.0	8.8	7.7	8.1	8.1	8.4	9.4	8.5	8.4	ĐẠT
446	2001225951	Đào Hồng Ngọc Vy	13DHTH08	5.8	#N/A	9.3	9.0	#N/A	7.2	9.1	#N/A	10.0	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
447	2001226090	Phùng Thị Như Ý	13DHTH08	#N/A	7.8	7.5	9.2	#N/A	#N/A	6.9	#N/A	10.0	9.0	#N/A	KHÔNG ĐẠT
448	2001220273	Vũ Đình Ân	13DHTH09	6.9	8.0	8.8	8.8	8.2	8.0	8.5	7.7	9.4	8.7	8.4	ĐẠT
449	2001225575	Đặng Thị Kim Anh	13DHTH09	6.8	6.9	7.0	8.3	7.0	8.8	8.6	6.8	10.0	7.6	8.1	ĐẠT
450	2001220286	Phạm Xuân Bách	13DHTH09	7.4	6.5	9.0	8.8	7.3	8.4	8.8	6.5	10.0	9.6	8.4	ĐẠT
451	2001220359	Đặng Gia Bảo	13DHTH09	8.0	6.8	7.8	9.1	8.0	8.6	8.5	7.0	10.0	9.2	8.5	ĐẠT
452	2001220331	Nguyễn Phùng Bảo	13DHTH09	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
453	2001220389	Nguyễn Việt An Bình	13DHTH09	4.5	7.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
454	2001220423	Nguyễn Thị Thu Cẩm	13DHTH09	8.4	7.3	9.3	8.0	7.6	8.5	8.4	8.1	7.3	9.0	8.2	ĐẠT
455	2001220416	Nguyễn Gia Cát	13DHTH09	8.4	6.5	8.5	5.5	7.0	6.7	5.8	7.0	5.0	7.4	6.5	ĐẠT
456	2001220921	Phan Quang Đạt	13DHTH09	0.0	6.8	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
457	2001220932	Lê Nguyễn Tuấn Đạt	13DHTH09	5.6	8.7	7.7	8.3	7.0	6.4	7.5	8.1	8.3	9.5	7.8	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
								Tín chỉ	3	3	2	4			
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
								PLO1	PLO3	PLO4	PLO6	PLO10	PLO12	PLO TB	
458	2001220995	Đỗ Văn Tuyên Đoán	13DHTH09	8.9	6.7	9.0	9.3	8.2	9.9	9.6	8.7	8.2	7.7	8.7	ĐẠT
459	2001221020	Nguyễn Đình Đức	13DHTH09	5.2	6.7	8.5	9.7	7.7	8.1	8.4	7.5	10.0	8.4	8.4	ĐẠT
460	2001221392	Hồ Xuân Trung Hiệp	13DHTH09	8.0	8.0	8.0	9.7	8.9	9.3	8.5	8.3	9.3	9.1	8.9	ĐẠT
461	2001221431	Nguyễn Văn Hiếu	13DHTH09	8.7	6.8	9.0	8.7	7.7	9.5	8.8	8.1	9.3	7.9	8.5	ĐẠT
462	2001221480	Đỗ Nhật Hoàng	13DHTH09	8.1	7.2	8.5	9.1	7.7	8.6	8.9	7.6	10.0	8.3	8.5	ĐẠT
463	2001221609	Nguyễn Quang Huy	13DHTH09	6.6	8.9	9.0	7.5	7.7	8.8	7.8	7.6	7.0	8.9	8.0	ĐẠT
464	2001221626	Ngô Gia Huy	13DHTH09	0.0	5.3	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
465	2001221983	Trần Nguyên Khang	13DHTH09	0.0	#N/A	0.0	0.0	#N/A	0.0	0.0	#N/A	0.0	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
466	2001221995	Mai Lê Bảo Khang	13DHTH09	2.2	4.1	7.0	0.0	2.6	2.0	2.9	1.7	0.0	2.9	2.0	KHÔNG ĐẠT
467	2001222262	Trần Thị Kiều Liêu	13DHTH09	6.3	6.4	9.0	9.2	7.4	8.3	9.3	7.9	8.6	8.3	8.3	ĐẠT
468	2044223142	Phạm Vũ Khôi Nguyên	13DHTH09	#N/A	4.5	8.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
469	2001223349	Đỗ Huỳnh Khánh Nhi	13DHTH09	8.2	6.2	9.0	8.8	7.7	8.3	9.2	6.9	10.0	9.4	8.6	ĐẠT
470	2044223333	Lê Thị Yến Nhi	13DHTH09	5.4	7.2	9.5	0.0	4.6	4.4	3.3	4.0	0.0	4.2	3.4	KHÔNG ĐẠT
471	2001223776	Huỳnh Trọng Phúc	13DHTH09	8.0	6.7	8.9	8.0	7.4	6.5	8.3	7.2	10.0	9.0	8.1	ĐẠT
472	2001223976	Hồ Anh Quốc	13DHTH09	7.4	8.5	8.5	7.5	7.8	8.6	7.9	7.3	7.0	8.8	7.9	ĐẠT
473	2001223992	Hồ Năng Quý	13DHTH09	5.6	5.7	9.1	9.0	7.6	7.7	8.8	5.8	10.0	8.3	8.0	ĐẠT
474	2001224123	Trần Thị Diễm Quỳnh	13DHTH09	6.8	7.4	7.0	8.8	7.7	8.2	8.2	6.8	9.2	7.8	8.0	ĐẠT
475	2001224073	Đặng Trúc Quỳnh	13DHTH09	6.6	7.8	9.0	9.0	8.3	7.7	9.0	6.9	10.0	8.5	8.4	ĐẠT
476	2001224131	Võ Thị Thủy Sa	13DHTH09	7.2	7.4	9.0	8.8	7.6	9.2	9.0	7.3	9.2	8.2	8.4	ĐẠT
477	2001224148	Phạm Thành Phước Sang	13DHTH09	6.3	7.7	8.8	8.3	7.1	7.6	8.3	7.2	8.2	9.3	8.0	ĐẠT
478	2001224204	Lê Tấn Tài	13DHTH09	7.2	6.7	0.0	8.0	5.7	5.1	5.6	6.9	8.9	7.0	6.5	KHÔNG ĐẠT
479	2001224327	Đinh Nhật Tấn	13DHTH09	8.0	6.2	9.0	6.3	7.4	7.9	6.1	7.2	6.8	6.8	7.0	ĐẠT
480	2001224683	Võ Thị Diễm Thanh	13DHTH09	8.4	6.0	9.5	9.2	8.0	9.8	9.3	7.4	10.0	9.2	8.9	ĐẠT
481	2001225278	Hồ Kiến Thức	13DHTH09	6.2	6.0	8.5	8.3	6.3	7.2	7.9	8.0	8.3	9.0	7.8	ĐẠT
482	2001224467	Trần Văn Toàn	13DHTH09	5.5	6.5	9.0	8.9	6.8	7.4	9.4	6.8	10.0	8.5	8.2	ĐẠT
483	2001225449	Trịnh Võ Thùy Trâm	13DHTH09	8.6	7.7	9.0	9.2	8.1	9.8	8.8	8.2	10.0	9.2	9.0	ĐẠT
484	2001225413	Nguyễn Văn Tráng	13DHTH09	9.1	5.5	7.5	9.0	7.8	9.0	8.0	6.8	10.0	8.7	8.4	ĐẠT
485	2001225675	Luyện Quang Trung	13DHTH09	0.0	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
486	2001225688	Phạm Huy Trung	13DHTH09	2.5	5.3	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
487	2001225709	Nguyễn Nhật Trường	13DHTH09	7.3	6.3	8.3	8.3	6.9	8.4	8.9	6.5	10.0	7.9	8.1	ĐẠT
488	2001224507	Nguyễn Ngọc Tú	13DHTH09	4.2	6.5	8.5	8.5	7.1	8.2	8.3	5.7	8.9	8.3	7.8	ĐẠT

ĐO LƯỜNG PLO				ĐIỂM GPA				HP Cốt lõi	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN			KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CTĐT
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	HP1 LTW	HP2 QTHTM	HP3 TTNN	HP4 KLCN	Tín chỉ	3	3	2	4			
								ĐIỂM TRUNG BÌNH PLO							
489	2001224482	Nguyễn Quốc Tú	13DHTH09	5.6	7.2	9.2	9.0	7.8	7.4	8.7	6.5	10.0	8.8	8.2	ĐẠT
490	2001224552	Lê Đăng Hoàng Tuấn	13DHTH09	8.1	5.9	9.5	9.3	8.2	9.3	9.5	8.0	8.6	8.4	8.7	ĐẠT
491	2001224555	Nguyễn Hoàng Tuấn	13DHTH09	7.1	6.9	8.6	0.0	5.5	4.5	3.3	3.9	0.0	3.7	3.5	KHÔNG ĐẠT
492	2001224565	Nguyễn Như Quang Tùng	13DHTH09	7.5	5.4	9.1	9.7	7.8	9.3	9.8	7.5	8.3	8.2	8.5	ĐẠT
493	2044224575	La Hoàn Tuyên	13DHTH09	8.3	5.8	9.0	9.1	7.4	9.1	8.8	7.7	10.0	8.4	8.6	ĐẠT
494	2001225820	Tất Gia Vi	13DHTH09	2.2	0.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	KHÔNG ĐẠT
495	2001225881	Lê Trần Vinh	13DHTH09	6.8	8.0	9.2	8.8	7.4	8.9	8.8	7.3	10.0	8.8	8.5	ĐẠT
496	2001225913	Lê Hiền Vũ	13DHTH09	9.2	6.8	8.0	8.0	7.6	7.9	8.2	7.2	7.7	7.3	7.6	ĐẠT

TỔNG SỐ SINH VIÊN: 496

TỔNG SỐ SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CTĐT: 393

TỶ LỆ 79%

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)